

KẾ HOẠCH DẠY HỌC, HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
NĂM HỌC 2026-2027

I. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

1.1. Môn: TIẾNG ANH- Khối: 10

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và Yêu cầu cần đạt
HỌC KÌ 1					
1	INTRODUCTION, REVIEW		1 tiết 1	This Review is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in the 9th Class syllabus.	
2	UNIT 1: FAMILY LIFE	Getting started	1 tiết 2	By the end of this unit, students will be able to: • pronounce the consonant blends /br/, /kr/, and /tr/ correctly in isolation and in sentences; • understand and use words and phrases related to family life;	1.1NC1a: Xác định được nhu cầu thông tin (tìm kiếm hình ảnh, từ vựng về gia đình).
		Language	1 tiết 3		5.3NC1a: Sử dụng các công cụ và công nghệ số khác nhau để tạo ra kiến thức (tra từ điển online/app phát âm).
		Reading	1 tiết		1.1NC1b: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông

			4	• use the present simple to talk about something that happens regularly in the present, and the present continuous to talk about activities happening at the moment of speaking;	tin (bài đọc về công việc nhà).
		Speaking	5		2.1NC1a: Sử dụng được nhiều công nghệ số để tương tác (ghi âm, thảo luận nhóm online).
		Listening	6	• read for specific information in a text about the benefits of doing housework for children;	1.2NC1a: Thực hiện đánh giá được độ tin cậy của các nguồn dữ liệu (thông tin trong bài nghe).
		Writing	7	• explain why children should or shouldn't do housework; • listen for specific information in a talk show about family life;	3.1NC1a: Áp dụng được các cách tạo và chỉnh sửa nội dung ở các định dạng khác nhau (soạn thảo văn bản).
		Communication and Culture/CLIL	8	• write about family routines; • express opinions;	2.5NC1a: Áp dụng được các chuẩn mực hành vi và bí quyết khác nhau khi giao tiếp văn hóa.
		Looking back & Project	9	• understand family values in the UK; • do research on Family Day in Viet Nam or other countries and give a group presentation about it.	2.4NC1a: Đề xuất được các công cụ số cho quá trình hợp tác nhóm. 3.1NC1b: Chỉ ra được những cách thể hiện bản thân qua nội dung số.
3	UNIT 2: HUMANS AND THE ENVIRONMENT	Getting started	10	By the end of this unit, students will be able to: • pronounce the consonant blends /kl/, /pl/, /gr/, and /pr/ correctly in isolation and in sentences;	1.1NC1a: Xác định được nhu cầu thông tin về môi trường.
		Language	11	• understand and use words and phrases related to human activities and the environment;	5.3NC1a: Sử dụng công cụ số hỗ trợ học tập ngữ pháp/phát âm.
		Reading	12	• use will and be going to to talk about the future; • use the passive voice;	1.2NC1b: Tiến hành đánh giá được các dữ liệu, thông tin về lối sống xanh.

		Speaking	1 tiết 13	• read for main ideas and specific information in a text about green living; • talk about ways to live green; • listen for specific information in an announcement about a green event; • write about ways to improve the environment; • ask for and give advice; • understand what a carbon footprint is; • plan activities for a Go Green Weekend event and give a group presentation about the event.	2.2NC1a: Chia sẻ dữ liệu, thông tin và nội dung số thông qua nhiều công cụ (thảo luận giải pháp xanh).
		Listening	1 tiết 14		1.1NC1d: Tự đề xuất được chiến lược tìm kiếm thông tin bổ sung cho chủ đề sự kiện xanh.
		Writing	1 tiết 15		3.3NC1a: Áp dụng được các quy định khác nhau về bản quyền (khi trích dẫn số liệu môi trường).
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết 16		2.5NC1b: Áp dụng được các chiến lược giao tiếp khác nhau trong môi trường số (chủ đề Carbon footprint).
		Looking back & Project	1 tiết 17		3.2NC1a: Làm việc với các mục nội dung mới, sửa đổi và tích hợp (tạo kế hoạch sự kiện).
4	REVIEW 1	Language	1 tiết 18	Review 1 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 1-3. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	5.4NC1a: Chứng minh được NLS của tôi cần được cải thiện hoặc cập nhật ở đâu (tự đánh giá).
		Skills (1)	1 tiết 19		1.3NC1a: Thao tác được thông tin, dữ liệu để tổ chức, lưu trữ kiến thức ôn tập.
		Skills (2)	1 tiết 20		3.1NC1b: Chỉ ra được những cách thể hiện bản thân qua kỹ năng tổng hợp.

5	MID-TERM TEST		1 tiết 21	Evaluate students' grasp the material covered in the first half of term. Offer students insights on their progress and areas for focus before the end-of-term exams. Motivate students to review and consolidate their learning so far.	4.2NC1a: Áp dụng được các cách thức khác nhau để bảo vệ dữ liệu cá nhân (trong kiểm tra).
6	UNIT 3: MUSIC	Getting started	1 tiết 22	By the end of this unit, students will be able to: • pronounce two-syllable words with correct stress; • understand and use words and phrases related to music; • use conjunctions to make compound sentences; • use to-infinitives and bare infinitives after some verbs; • read for specific information in a text about a famous TV music show;	1.1NC1c: Chỉ cho người khác cách truy cập những dữ liệu âm nhạc số.
		Language	1 tiết 23		5.3NC1a: Ứng dụng công nghệ để luyện tập cấu trúc câu.
		Reading	1 tiết 24		1.1NC1b: Áp dụng kỹ thuật tìm kiếm thông tin về chương trình âm nhạc.
7	FEEDBACK AND CORRECTION		1 tiết 25	Help students understand their mistakes and provide specific suggestions for how to correct them, leading to better performance in future assessments. Reinforce correct understanding and application of concepts, encouraging deeper learning and retention.	5.4NC1c: Đề xuất cơ hội phát triển bản thân từ kết quả thi.

				Provide structure feedback that build confidence and motivates students to continue working on their skills.	
	UNIT 3: MUSIC	Speaking	1 tiết 26	• talk about a TV music show; • listen for gist and specific information in an interview about a music festival; • write a blog about an experiencesat a music event; • make and respond to suggestions; • identify chau van singing; • do research on a form of traditional music in Viet Nam or another country and give a group presentation about it.	2.1NC1b: Cho người khác thấy phương tiện giao tiếp số phù hợp nhất để thảo luận.
		Listening	1 tiết 27		1.2NC1a: Đánh giá thông tin từ bài phỏng vấn trên môi trường số.
		Writing	1 tiết 28		3.1NC1a: Tạo và chỉnh sửa nội dung blog cá nhân trên nền tảng số.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết 29		2.6NC1a: Tạo và quản lý được danh tính số (profile âm nhạc/nghệ thuật).
		Looking back & Project	1 tiết 30		5.3NC1b: Áp dụng xử lý nhận thức của cá nhân và tập thể để giải quyết các vấn đề sáng tạo.
8	UNIT 4: FOR A BETTER COMMUNITY	Getting started	1 tiết 31	By the end of this unit, students will be able to: • pronounce two-syllable words with the same spelling with correct stress; • understand and use words and phrases related to community development; adjective suffixes: -ed vs. -ing; -ful vs. -less; • use the past simple and past continuous with when and while;	1.1NC1a: Tìm kiếm được dữ liệu về các hoạt động cộng đồng.
		Language	1 tiết 32		5.3NC1a: Sử dụng công cụ số học từ vựng (flashcards online).
		Reading	1 tiết 33		1.2NC1a: Đánh giá độ tin cậy của các nguồn tin về hoạt động tình nguyện.
		Speaking	1 tiết		2.3NC1a: Đề xuất được các dịch vụ

			34	• read for main ideas and specific information in a text about a volunteer club;	số khác nhau để tham gia vào xã hội (nền tảng từ thiện).
		Listening	1 tiết 35	• talk about the benefits of volunteering activities; • listen for specific information in an announcement for volunteers;	1.3NC1a: Tổ chức, lưu trữ thông tin nghe được từ thông báo.
		Writing	1 tiết 36	• write an application letter for volunteer work; • express feelings;	3.1NC1a: Tạo văn bản đơn xin tình nguyện (định dạng email/file word).
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết 37	• identify factual information about the Save the Children organisation and its activities to help Viet Nam;	2.3NC1b: Sử dụng được các công nghệ số thích hợp để tự mình trang bị và tham gia xã hội.
		Looking back & Project	1 tiết 38	• do research on a volunteer project in their community and give a group presentation about it.	2.4NC1a: Hợp tác thông qua công cụ số để lên kế hoạch dự án cộng đồng.
9	UNIT 5: INVENTIONS	Getting started	1 tiết 39	By the end of this unit, students will be able to: • pronounce common three-syllable nouns with correct stress;	6.1NC1a: Phân tích được cách AI/công nghệ hoạt động trong các ứng dụng cụ thể.
		Language	1 tiết 40	• understand and use words and phrases related to inventions;	5.3NC1a: Ứng dụng công nghệ hỗ trợ học tập.
		Reading	1 tiết 41	• use the present perfect, gerunds, and to-infinitives correctly;	1.1NC1b: Tìm kiếm thông tin chi tiết về các phát minh.
		Speaking	1 tiết 42	• read for main ideas and specific information in a text about an invention;	6.1NC1b: So sánh được các hệ thống AI/công nghệ khác nhau (trong thảo luận về công dụng).
		Listening	1 tiết	• talk about inventions and their uses;	1.2NC1b: Tiến hành đánh giá thông

			43	• listen to instructions on how to use an invention for specific information; • write about the benefits of an invention; • make and respond to requests; • understand computer hardware; • collect information about an existing invention for the classroom or create a new one and give a group presentation about it.	tin hướng dẫn sử dụng thiết bị.
		Writing	1 tiết 44		3.1NC1a: Soạn thảo bài viết về lợi ích phát minh trên thiết bị số.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết 45		6.2NC1a: Phát triển được các ứng dụng AI tùy chỉnh/hiểu về ứng dụng thực tế.
		Looking back & Project	1 tiết 46		5.3NC1b: Áp dụng xử lý nhận thức cá nhân để thiết kế phát minh mới.
10	REVIEW 2	Language	1 tiết 47	Review 2 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 4 - 5. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	5.4NC1b: Minh họa được những cách khác nhau để hỗ trợ người khác phát triển NLS.
		Skills (1)	1 tiết 48		1.3NC1b: Triển khai được việc tổ chức và sắp xếp dữ liệu ôn tập.
		Skills (2)	1 tiết 49		3.1NC1a: Tổng hợp kỹ năng tạo nội dung số qua các bài tập.
11	REVISION	Revision for end-of term test	1 tiết 50, 51, 52	Revising the language and skills Ss have learnt in Units 1-5, and providing exam practice by following question formats used in the exam.	5.4NC1a: Tự đánh giá năng lực và kiến thức cần cải thiện.
12	END-TERM TEST		1 tiết 53	Evaluate overall understanding and mastery of the course material. Help students prepare for the exams by assessing their readiness and identify any remaining gaps in knowledge.	4.2NC1b: Áp dụng được các cách thức đặc thù để chia sẻ dữ liệu cá nhân (quy chế thi).

			Test students' growth and improvement over the term.	
13	FEEDBACK AND CORRECTION	1 tiết 54	Help students understand their mistakes and provide specific suggestions for how to correct them, leading to better performance in future assessments. Reinforce correct understanding and application of concepts, encouraging deeper learning and retention. Provide structure feedback that build confidence and motivates students to continue working on their skills.	5.4NC1c: Đề xuất các cơ hội khác nhau để phát triển bản thân (sau khi biết kết quả).
HỌC KÌ 2				
14	UNIT 6: GENDER EQUALITY	Getting started	1 tiết 55	2.5NC1c: Áp dụng được các khía cạnh đa dạng về văn hóa và thể hệ khác (về giới). 5.3NC1a: Sử dụng công cụ số tra cứu thông tin ngôn ngữ. 1.2NC1a: Đánh giá độ tin cậy của thông tin bình đẳng giới trên mạng. 2.5NC1b: Áp dụng các chiến lược giao tiếp tôn trọng trong môi trường số. 1.1NC1a: Xác định nhu cầu thông tin từ bài nghe về nhân vật lịch sử.
		Language	1 tiết 56	
		Reading	1 tiết 57	
		Speaking	1 tiết 58	
		Listening	1 tiết 59	
			By the end of this unit, students will be able to: • pronounce three-syllable adjectives and verbs with correct stress; • understand and use words and phrases related to gender equality; • use the passive voice with modals; • read for specific information in a text about gender equality; • talk about career choices; • listen for specific information in a talk about the first woman in space; • write about jobs for men and women.	

		Writing	1 tiết 60	• express agreement and disagreement; • learn about women's football; • do a survey on students' future jobs and report survey results.	3.1NC1a: Tạo nội dung văn bản nghị luận xã hội số.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết 61		2.2NC1a: Chia sẻ thông tin về bóng đá nữ qua công nghệ phù hợp.
		Looking back & Project	1 tiết 62		3.3NC1a: Áp dụng quy định bản quyền khi sử dụng số liệu khảo sát.
15	UNIT 7: VIETNAM AND INTERNATIONAL ORGANISATIONS	Getting started	1 tiết 63	By the end of this unit, students will be able to: • pronounce words with more than three syllables with correct stress; • understand and use words and phrases related to international organisations; • use comparative and superlative adjectives; • read for specific information in a text about UNICEF's support for Viet Nam's education; • talk about programmes for communities; • listen for specific information in a conversation about Viet Nam's participation in international organisations; • write about Viet Nam's participation in international organisations; • make and respond to invitations; • learn about FAO and its activities to support Viet Nam;	1.1NC1b: Kỹ thuật tìm kiếm thông tin về các tổ chức quốc tế.
		Language	1 tiết 64		5.3NC1a: Ứng dụng công nghệ học thuật ngữ chuyên ngành.
		Reading	1 tiết 65		1.2NC1b: Đánh giá, so sánh thông tin từ các nguồn quốc tế (UNICEF).
		Speaking	1 tiết 66		2.1NC1a: Tương tác thông qua công nghệ số (mô phỏng diễn đàn).
		Listening	1 tiết 67		1.1NC1a: Tìm kiếm dữ liệu liên quan để bổ trợ bài nghe.
		Writing	1 tiết 68		3.1NC1a: Tạo và chỉnh sửa văn bản giới thiệu Việt Nam.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết 69		2.6NC1c: Sử dụng dữ liệu tạo ra thông qua công cụ để xây dựng hồ sơ công dân toàn cầu.

		Looking back & Project	1 tiết 70	• do research on an international organisation and give a group presentation about it.	5.3NC1b: Sử dụng các công cụ số để tạo ra kiến thức mới (bài thuyết trình về tổ chức).
16	REVIEW 3	Language	1 tiết 71	Review 3 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 6 – 8. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	5.4NC1a: Xác định NLS cần cải thiện qua bài ôn tập.
		Skills (1)	1 tiết 72		1.3NC1b: Sắp xếp dữ liệu ôn tập hiệu quả.
		Skills (2)	1 tiết 73		3.1NC1b: Thể hiện bản thân qua bài viết/nói tổng hợp.
17	MID-TERM TEST		1 tiết 74	Evaluate students' grasp the material covered in the first half of term. Offer students insights on their progress and areas for focus before the end-of-term exams. Motivate students to review and consolidate their learning so far.	4.2NC1a: Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong kiểm tra đánh giá.
	UNIT 8: NEW WAYS TO LEARN	Getting started	1 tiết 75	By the end of this unit, students will be able to: • identify and use sentence stress appropriately; • understand and use words and phrases related to different ways of learning; • understand and use defining and non-defining relative clauses with who, that, which, and whose;	5.2NC1a: Đánh giá được nhu cầu cá nhân về học tập số.
		Language	1 tiết 76		5.3NC1b: Sử dụng các công cụ và công nghệ số để tạo ra kiến thức.
		Reading	1 tiết 77		1.1NC1d: Tự đề xuất chiến lược tìm kiếm tài liệu học tập online vs offline.

				• read for main ideas and specific information in a text about online and face-to-face learning;	
18	FEEDBACK AND CORRECTION		1 tiết 78	Help students understand their mistakes and provide specific suggestions for how to correct them, leading to better performance in future assessments. Reinforce correct understanding and application of concepts, encouraging deeper learning and retention. Provide structure feedback that build confidence and motivates students to continue working on their skills.	5.4NC1c: Đề xuất cơ hội phát triển bản thân từ kết quả thi.
19	UNIT 8: NEW WAYS TO LEARN	Speaking	1 tiết 79	• talk about the advantages and disadvantages of online learning; • listen to instructions on how to prepare for a blended learning class for specific information; • write about the benefits of blended learning; • give instructions; • learn about modern schools; • do a survey to find out how students use electronic devices to learn and report survey results in a group presentation.	2.1NC1b: Cho người khác thấy phương tiện giao tiếp số phù hợp nhất (lớp học ảo).
		Listening	1 tiết 80		5.2NC1b: Áp dụng được các công cụ số khác nhau và các giải pháp công nghệ (Blended learning).
		Writing	1 tiết 81		3.1NC1a: Tạo nội dung số về lợi ích của học tập trực tuyến.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết 82		5.2NC1c: Sử dụng được các cách khác nhau để điều chỉnh môi trường số cá nhân (Modern schools).
		Looking back & Project	1 tiết 83		5.3NC1a: Sử dụng các công cụ và công nghệ số để đổi mới quy trình học tập.

20	UNIT 9: PROTECTING THE ENVIROMENT	Getting started	1 tiết 84	By the end of this unit, students will be able to: • use sentence stress appropriately to speak with a natural rhythm; • understand and use words and phrases related to the environment and ways to protect it; • use reported speech. • read for main ideas and specific information in a text about environmental problems; • talk about environmental solutions; • listen for specific information in a conversation about ways to protect endangered animals; • write about a wildlife organisation; • make and respond to apologies; • learn about Earth Hour; • do research on a local or an international environmental organisation and give a group presentation about it.	4.4NC1a: Trình bày được các cách thức khác nhau để bảo vệ môi trường (kết hợp công nghệ).
		Language	1 tiết 85		5.3NC1a: Sử dụng công cụ số hỗ trợ luyện tập câu tường thuật.
		Reading	1 tiết 86		1.2NC1b: Đánh giá tính xác thực của thông tin vấn đề môi trường.
		Speaking	1 tiết 87		2.2NC1a: Chia sẻ thông tin giải pháp môi trường qua công nghệ số phù hợp.
		Listening	1 tiết 88		1.1NC1a: Tìm kiếm và lọc dữ liệu từ bài nghe bảo vệ động vật.
		Writing	1 tiết 89		3.1NC1a: Soạn thảo văn bản số giới thiệu tổ chức bảo vệ động vật.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết 90		2.3NC1a: Tham gia vào xã hội thông qua các dịch vụ số (chiến dịch Giờ Trái Đất online).
		Looking back & Project	1 tiết 91		3.2NC1a: Tích hợp thông tin, tạo sản phẩm truyền thông môi trường.
21	UNIT 10: ECOTOURISM	Getting started	1 tiết 92	By the end of this unit, students will be able to: • identify intonation patterns and use appropriate intonation (i.e. rising or falling tone);	1.1NC1b: Kỹ thuật tìm kiếm tour du lịch sinh thái.
		Language	1 tiết		5.3NC1a: Ứng dụng app học tập ngữ pháp (câu điều kiện).

			93	• understand and use words and phrases related to ecotourism; • use conditional sentences Type 1 and Type 2 correctly; • read for specific information in a brochure about ecotours; • talk about how to become an ecotourist; • listen for specific information in a tour guide speech welcoming ecotourists in the Mekong Delta; • write a website advertisement for an ecotour; • ask for and give advice; • understand the differences between types of tourism and their impact on the environment; • design an ecotour to a local attraction and give a group presentation about it.	
		Reading	1 tiết 94		1.2NC1a: Đánh giá các thông tin trong brochure du lịch số.
		Speaking	1 tiết 95		2.5NC1a: Nhận thức chuẩn mực hành vi khi đi du lịch (chia sẻ trên mạng).
		Listening	1 tiết 96		1.1NC1c: Truy cập dữ liệu về địa điểm du lịch qua nghe hiểu.
		Writing	1 tiết 97		3.1NC1a: Viết quảng cáo tour/blog du lịch (kỹ năng tạo web content).
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết 98		4.4NC1a: Nhận thức tác động của việc sử dụng công nghệ số đối với môi trường du lịch.
		Looking back & Project	1 tiết 99		5.3NC1b: Sáng tạo sản phẩm quảng bá du lịch (video/poster số).
22	REVIEW 4	Language	1 tiết 100	Review 4 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 9-10. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	5.4NC1a: Đánh giá sự tiến bộ NLS cuối kỳ.
		Skills (1)	1 tiết 101		1.3NC1b: Tổ chức dữ liệu tổng hợp.
		Skills (2)	1 tiết 102		3.1NC1b: Thể hiện bản thân qua sản phẩm cuối khóa.

23	REVISION	Revision for end-of term test	1 tiết 103	Revising the language and skills Ss have learnt in Units 6-10, and providing exam practice by following question formats used in the exam.	5.4NC1b: Minh họa cách hỗ trợ bạn bè ôn tập qua công cụ số.
24	END-TERM TEST		1 tiết 104	Evaluate overall understanding and mastery of the course material. Help students prepare for the exams by accessing their readiness and identify any remaining gaps in knowledge. Test students' growth and improvement over the term.	4.2NC1b: Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong kỳ thi.
25	FEEDBACK AND CORRECTION		1 tiết 105	Help students understand their mistakes and provide specific suggestions for how to correct them, leading to better performance in future assessments. Reinforce correct understanding and application of concepts, encouraging deeper learning and retention. Provide structure feedback that build confidence and motivates students to continue working on their skills.	5.4NC1c: Đề xuất cơ hội phát triển bản thân cho năm học tới.

1. 2 Môn: TIẾNG ANH- Khối: 11

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và Yêu cầu cần đạt
HỌC KÌ 1					
1	INTRODUCTION, REVIEW		1 tiết 1	This Review is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in the 10th Class syllabus.	
2	UNIT 1: A LONG AND HEALTHY LIFE	Getting started	1 tiết 2	By the end of this unit, students will be able to: • identify and pronounce strong and weak forms of auxiliary verbs; • understand and use words and phrases related to health and fitness; • use the past simple and the present perfect correctly; • read for main ideas and specific information in an article about living a long and healthy life; • give instructions for an exercise routine; • listen for main ideas and specific information in a TV chat show about food and health; • write a short message in response to an invitation; • offer help and respond to offers; • identify the main differences between bacteria and viruses;	1.1NC1a: Xác định được nhu cầu thông tin (tìm kiếm từ vựng, hình ảnh về sức khỏe).
		Language	1 tiết 3		5.3NC1a: Sử dụng các công cụ và công nghệ số để tạo ra kiến thức (app từ điển, phát âm).
		Reading	1 tiết 4		1.1NC1b: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin sức khỏe trực tuyến.
		Speaking	1 tiết 5		2.1NC1a: Sử dụng được nhiều công nghệ số để tương tác (ghi âm, video call luyện tập).
		Listening	1 tiết 6		1.2NC1a: Thực hiện đánh giá được độ tin cậy của nguồn tin (khi nghe thông tin sức khỏe).
		Writing	1 tiết 7		2.5NC1b: Áp dụng được các chiến lược giao tiếp khác nhau trong môi trường số (nhắn tin/email).

		Communication and Culture/CLIL	1 tiết 8	design a poster about a healthy habit and give a poster presentation about it.	5.3NC1b: Áp dụng xử lý nhận thức của cá nhân để giải quyết các vấn đề (phân biệt vi khuẩn/virus qua mô phỏng số).
		Looking back & Project	1 tiết 9		3.1NC1a: Tạo và chỉnh sửa được nội dung số (thiết kế Poster điện tử). 2.4NC1a: Sử dụng công cụ số để hợp tác nhóm.
3	UNIT 2: THE GENERATION GAP	Getting started	1 tiết 10	By the end of this unit, students will be able to: - identify and pronounce contracted forms correctly in sentences; - understand and use words and phrases related to generational differences; - use modal verbs: must, have to, and should; - read for main ideas and specific information in an article about different generations; - talk about the different generations of a family; start a conversation and discussion; - listen for specific information in a conversation about family conflicts; - write an opinion essay about limiting teenagers' screen time;	1.1NC1a: Xác định nhu cầu thông tin về sự khác biệt thế hệ.
		Language	1 tiết 11		5.3NC1a: Sử dụng công cụ số hỗ trợ học ngữ pháp.
		Reading	1 tiết 12		1.2NC1b: Tiến hành đánh giá, so sánh thông tin các thế hệ từ nhiều nguồn.
		Speaking	1 tiết 13		2.5NC1c: Áp dụng được các khía cạnh đa dạng về văn hóa và thế hệ khác (giao tiếp số tôn trọng người lớn tuổi).
		Listening	1 tiết 14		1.3NC1a: Tổ chức, lưu trữ thông tin nghe được trên thiết bị số.
		Writing	1 tiết 15		4.3NC1a: Tránh được rủi ro đến sức khỏe thể chất/tinh thần (chủ đề Screen time - thời gian sử

				• Ask for and give permission	dụng thiết bị).
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết 16	• understand the generation gap in Asian American families; • carry out a survey to find out generational differences in families and give a group presentation about them.	2.6NC1a: Tạo và quản lý danh tính số phù hợp văn hóa gia đình Á Đông.
		Looking back & Project	1 tiết 17		1.3NC1b: Triển khai được việc tổ chức và sắp xếp dữ liệu (kết quả khảo sát Online). 3.1NC1b: Thể hiện bản thân qua bài trình chiếu số.
4	REVIEW 1	Language	1 tiết 18	Review 1 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 1-3. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	5.4NC1a: Chứng minh được NLS của tôi cần được cải thiện hoặc cập nhật ở đâu (Tự đánh giá).
		Skills (1)	1 tiết 19		1.3NC1b: Sắp xếp dữ liệu ôn tập trên máy tính.
		Skills (2)	1 tiết 20		3.1NC1b: Tổng hợp kỹ năng tạo nội dung số.
5	MID-TERM TEST		1 tiết 21	Evaluate students' grasp the material covered in the first half of term. Offer students insights on their progress and areas for focus before the end-of-term exams. Motivate students to review and consolidate their learning so far Evaluate students' grasp the material covered in the first half of term.	4.2NC1b: Áp dụng quy tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân trong kiểm tra đánh giá.

6	UNIT 3: CITIES OF THE FUTURE	Getting started	1 tiết 22	By the end of this unit, students will be able to: • link final consonants to initial vowels in sentences; • understand and use words and phrases related to cities and smart living; • use stative verbs in the continuous form, and linking verbs; • read for specific information in an article about the characteristics of future cities;	6.1NC1a: Hiểu được cách AI/công nghệ ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày (Smart City).
		Language	1 tiết 23		5.3NC1a: Sử dụng app luyện phát âm nổi âm.
		Reading	1 tiết 24		6.1NC1b: Hiểu vai trò của AI/IoT trong các thành phố thông minh qua bài đọc.
7	FEEDBACK AND CORRECTION		1 tiết 25	Help students understand their mistakes and provide specific suggestions for how to correct them, leading to better performance in future assessments. Reinforce correct understanding and application of concepts, encouraging deeper learning and retention. Provide structure feedback that build confidence and motivates students to continue working on their skills.	5.4NC1c: Đề xuất cơ hội phát triển bản thân từ kết quả thi.
	UNIT 3: CITIES OF THE FUTURE	Speaking	1 tiết 26	• discuss cities of the future and keep a conversation going by asking Wh-questions; • listen for main ideas and specific information in an interview about the disadvantages of living in a smart city;	2.1NC1b: Cho người khác thấy phương tiện giao tiếp số phù hợp nhất để thảo luận.
		Listening	1 tiết 27		4.2NC1a: Nhận thức về bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư (rủi ro trong Smart City).

		Writing	1 tiết 28	• write an article about the advantages and disadvantages of living in a smart city; • express certainty and uncertainty; • recognise features of smart cities around the world; • design a poster about the ideal city of the future and give a poster presentation about it.	3.1NC1a: Soạn thảo văn bản số về ưu/nhược điểm công nghệ.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết 29		6.2NC1a: Phát triển/đề xuất ý tưởng ứng dụng công nghệ thực tế.
		Looking back & Project	1 tiết 30		5.3NC1b: Sử dụng công cụ số sáng tạo Poster thành phố tương lai. 3.3NC1a: Áp dụng quy định bản quyền hình ảnh.
8	UNIT 4: ASEAN AND VIET NAM	Getting started	1 tiết 31	By the end of this unit, students will be able to: • identify and pronounce words with elision of vowels in isolation and in sentences; • understand and use words and phrases related to ASEAN; • use gerunds as subjects and objects; • read for main ideas and specific information in news items about ASEAN countries; • discuss the skills and experience needed for the ASEAN Youth Programme, and ask for and give opinions;	1.1NC1b: Kỹ thuật tìm kiếm thông tin về các quốc gia ASEAN.
		Language	1 tiết 32		5.3NC1a: Tra cứu thông tin ngôn ngữ online.
		Reading	1 tiết 33		1.2NC1a: Đánh giá độ tin cậy của các bản tin online.
		Speaking	1 tiết 34		2.3NC1a: Đề xuất được các dịch vụ số để tham gia vào xã hội (Chương trình thanh niên ASEAN).
		Listening	1 tiết 35		1.1NC1c: Truy cập dữ liệu về chương trình học bổng/du lịch.
		Writing	1 tiết		3.1NC1a: Tạo và chỉnh sửa bản

			36	• listen for main ideas and specific information in a conversation about an ASEAN school tour programme; • write a proposal for a welcome event; • give compliments and respond; • understand when and how people celebrate the New Year in ASEAN; • do research about an ASEAN member and give a presentation about it.	đề xuất (Proposal) trên máy tính.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết 37		2.5NC1a: Nhận thức chuẩn mực hành vi văn hóa các nước (Netiquette).
		Looking back & Project	1 tiết 38		1.1NC1d: Tự đề xuất chiến lược tìm kiếm thông tin nghiên cứu. 3.2NC1a: Tích hợp thông tin đa phương tiện vào bài thuyết trình.
9	UNIT 5: GLOBAL WARMING	Getting started	1 tiết 39	By the end of this unit, students will be able to: • use sentence stress appropriately to speak with a natural rhythm; • understand and use words and phrases related to global warming; • use present participle and past participle clauses correctly; • read for main ideas and specific information in an article about the UN Climate Change Conference; • talk about human activities and global warming, and present ideas clearly in a discussion; • listen for main ideas and specific information in a talk about black carbon and global temperature;	4.4NC1a: Nhận thức được tác động của công nghệ số và việc sử dụng công nghệ số đối với môi trường.
		Language	1 tiết 40		5.3NC1a: Ứng dụng công nghệ học ngữ điệu.
		Reading	1 tiết 41		1.2NC1b: Kiểm chứng thông tin khoa học về khí hậu trên mạng.
		Speaking	1 tiết 42		2.2NC1a: Chia sẻ thông tin môi trường thông qua công nghệ số phù hợp.
		Listening	1 tiết 43		1.1NC1a: Lọc dữ liệu nghe được.
		Writing	1 tiết 44		3.1NC1a: Thiết kế tờ rơi (Leaflet) điện tử.

		Communication and Culture/CLIL	1 tiết 45	• write a leaflet to persuade people to reduce black carbon emissions; • give warnings and respond;	5.2NC1b: Áp dụng giải pháp công nghệ trong nông nghiệp (Smart farming ideas).
		Looking back & Project	1 tiết 46	• understand the environmental impact of farming and how to reduce it; • carry out a survey to find out how local people try to limit global warming and present the survey results to the class.	1.3NC1b: Phân tích và trực quan hóa dữ liệu khảo sát (Biểu đồ số). 2.4NC1a: Hợp tác nhóm online.
10	REVIEW 2	Language	1 tiết 47	Review 2 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 4 - 5. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	5.4NC1b: Minh họa được những cách khác nhau để hỗ trợ bạn bè ôn tập qua công cụ số.
		Skills (1)	1 tiết 48		1.3NC1a: Tổ chức dữ liệu kiến thức tổng hợp.
		Skills (2)	1 tiết 49		3.1NC1b: Thể hiện năng lực qua sản phẩm số.
11	REVISION	Revision for end-of term test	1 tiết 50, 51, 52	Revising the language and skills Ss have learnt in Units 1-5, and providing exam practice by following question formats used in the exam.	5.4NC1a: Tự đánh giá và lên kế hoạch ôn tập số.
12	END-TERM TEST		1 tiết 53	Evaluate overall understanding and mastery of the course material. Help students prepare for the exams by accessing their readiness and identify any remaining gaps in knowledge. Test students' growth and improvement over the term.	4.2NC1a: Bảo vệ thông tin cá nhân trong kỳ thi.

13	FEEDBACK AND CORRECTION		1 tiết 54	Help students understand their mistakes and provide specific suggestions for how to correct them, leading to better performance in future assessments. Reinforce correct understanding and application of concepts, encouraging deeper learning and retention. Provide structure feedback that build confidence and motivates students to continue working on their skills.	5.4NC1c: Đề xuất cơ hội phát triển bản thân từ kết quả thi.
HỌC KÌ 2					
14	UNIT 6: PRESERVING OUR HERITAGE	Getting started	1 tiết 55	By the end of this unit, students will be able to: • use falling and level-rising intonation in statements, commands, and lists; • understand and use words and phrases related to preserving heritage; • use to-infinitive clauses to express purpose and modify nouns or noun phrases; • read for main ideas and specific information in an article about an ideas competition; • discuss ways to preserve cultural heritage and keep a conversation going by showing interest and encouragement;	1.1NC1a: Tìm kiếm thông tin, hình ảnh di sản văn hóa.
		Language	1 tiết 56		5.3NC1a: Sử dụng từ điển số/app học tập.
		Reading	1 tiết 57		1.2NC1a: Đánh giá tính xác thực của thông tin cuộc thi online.
		Speaking	1 tiết 58		2.2NC1b: Hướng dẫn người khác cách đóng vai trò trung gian chia sẻ di sản (Social media sharing).
		Listening	1 tiết 59		2.6NC1c: Sử dụng dữ liệu tạo ra thông qua công cụ (Tour ảo/Virtual tour).

		Writing	1 tiết 60	• listen for main ideas and specific information in a tour guide's talk about Trang An Scenic Landscape Complex; • write a leaflet to inform people about ways to preserve Trang An Scenic Landscape Complex; • ask for and give directions; • learn about initiatives to preserve heritage around the world; • propose ways to preserve a type of heritage, and give a group presentation about it.	3.1NC1a: Tạo nội dung số (tờ rơi/bài viết) quảng bá di sản.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết 61		2.1NC1a: Tương tác với các sáng kiến bảo tồn toàn cầu qua web.
		Looking back & Project	1 tiết 62		3.3NC1a: Áp dụng quy định về bản quyền hình ảnh di sản. 5.3NC1b: Sáng tạo giải pháp bảo tồn bằng công nghệ. 3.2NC1a: Tích hợp thông tin đa phương tiện vào bài thuyết trình.
15	UNIT 7: EDUCATION OPTIONS FOR SCHOOL LEAVERS	Getting started	1 tiết 63	By the end of this unit, students will be able to: • use rising and falling intonation in Wh- and Yes/No questions; • understand and use words and phrases related to education after leaving school; • use perfect gerunds and perfect participle clauses correctly; • read for main ideas and specific information in an article about different study options after leaving school; • discuss the benefits of vocational training and academic study, and end a conversation or discussion;	1.1NC1b: Áp dụng kỹ thuật tìm kiếm thông tin khóa học/trường học.
		Language	1 tiết 64		5.3NC1a: Công cụ hỗ trợ ngữ pháp/từ vựng.
		Reading	1 tiết 65		1.2NC1b: So sánh và đánh giá thông tin các lựa chọn học tập online.
		Speaking	1 tiết 66		2.1NC1b: Chọn phương tiện giao tiếp số phù hợp để tư vấn/thảo luận.
		Listening	1 tiết 67		1.1NC1d: Tự đề xuất chiến lược tìm kiếm thêm thông tin khóa

				• listen for main ideas and specific information in a conversation about courses provided at a vocational school; • write a request letter to ask for information about vocational school courses; • make an appointment; • understand the UK education after secondary school; • do research on an educational institution and present the information to the class.	học.
		Writing	1 tiết 68		2.5NC1b: Áp dụng chiến lược giao tiếp trong email trang trọng (hỏi thông tin).
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết 69		1.2NC1a: Tìm hiểu hệ thống giáo dục quốc tế qua nguồn chính thống.
		Looking back & Project	1 tiết 70		1.3NC1b: Tổ chức thông tin nghiên cứu. 3.1NC1b: Thể hiện kết quả nghiên cứu qua Slide/Video.
16	REVIEW 3	Language	1 tiết 71	Review 3 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 6 – 8. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	5.4NC1a: Đánh giá lỗ hổng kiến thức qua bài ôn tập.
		Skills (1)	1 tiết 72		1.3NC1b: Hệ thống hóa dữ liệu ôn tập.
		Skills (2)	1 tiết 73		3.1NC1b: Tổng hợp kỹ năng qua bài tập thực hành.
17	MID-TERM TEST		1 tiết 74	Evaluate students' grasp the material covered in the first half of term. Offer students insights on their progress and areas for focus before the end-of-term exams. Motivate students to review and consolidate their learning so far.	4.2NC1b: Bảo mật thông tin trong kiểm tra.

18	UNIT 8: BECOMING INDEPENDENT	Getting started	1 tiết 75	By the end of this unit, students will be able to: • use fall-rise intonation in invitations, suggestions, and polite requests; • understand and use words and phrases related to teen independence; • use cleft sentences with <i>It is/was ... that/who ...</i> correctly; • read for main ideas and specific information in an article about how teens can become independent;	5.2NC1a: Đánh giá nhu cầu cá nhân về kỹ năng sống (qua trắc nghiệm số/app).
		Language	1 tiết 76		5.3NC1a: Sử dụng công cụ số để tự học.
		Reading	1 tiết 77		1.1NC1b: Tìm kiếm hướng dẫn kỹ năng sống online.
19	FEEDBACK AND CORRECTION		1 tiết 78	Help students understand their mistakes and provide specific suggestions for how to correct them, leading to better performance in future assessments. Reinforce correct understanding and application of concepts, encouraging deeper learning and retention. Provide structure feedback that build confidence and motivates students to continue working on their skills.	5.4NC1c: Đề xuất cơ hội phát triển bản thân từ kết quả thi.
	UNIT 8: BECOMING INDEPENDENT	Speaking	1 tiết 79	• give detailed instructions on learning basic life skills and use sequencing words and phrases when giving instructions; • listen for main ideas and specific information in a conversation about becoming independent learners;	3.4NC1a: Tự thao tác được bằng các hướng dẫn (Tutorials/How-to videos).
		Listening	1 tiết 80		5.2NC1c: Sử dụng các cách khác nhau để điều chỉnh môi trường số cá nhân (để tự học hiệu quả).

		Writing	1 tiết 81	• write an article about the pros and cons of self-study; • express best wishes and respond; • understand how American teenagers become independent; • create a detailed plan to develop a life skill and present it to the class.	3.2NC1a: Tổng hợp thông tin, viết bài về tự học (Self-study).
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết 82		2.5NC1c: Hiểu sự khác biệt văn hóa về sự tự lập.
		Looking back & Project	1 tiết 83		5.3NC1b: Tạo kế hoạch phát triển bản thân bằng công cụ số (Lịch/Planner app).
20	UNIT 9: SOCIAL ISSUES	Getting started	1 tiết 84	By the end of this unit, students will be able to: • use rising and falling intonation in choice questions; • understand and use words and phrases related to social issues; • use linking words and phrases to connect ideas, clauses, or sentences; • read for main ideas and specific information in an article about peer pressure; • talk about experiences of peer pressure and respond to peer pressure situations; • listen for specific information in a conversation about types of bullying; • write a proposal for a school campaign against cyberbullying; • express disappointment and sympathy;	2.5NC1a: Nhận thức các chuẩn mực hành vi trên mạng (Cyberbullying awareness).
		Language	1 tiết 85		5.3NC1a: Sử dụng công nghệ hỗ trợ học tập.
		Reading	1 tiết 86		1.2NC1a: Đánh giá thông tin về áp lực đồng trang lứa trên MXH.
		Speaking	1 tiết 87		4.3NC1b: Áp dụng các cách thức khác nhau để bảo vệ bản thân (trước áp lực mạng).
		Listening	1 tiết 88		4.3NC1a: Tránh được rủi ro và đe dọa đến sức khỏe tinh thần (Bắt nạt trực tuyến).
		Writing	1 tiết 89		3.1NC1a: Soạn thảo đề xuất chiến dịch chống bắt nạt qua mạng.

		Communication and Culture/CLIL	1 tiết 90	• understand some of the social problems facing teens in the US today; • plan activities for a campaign to raise people's awareness about a social issue and give a group presentation about it.	2.3NC1b: Sử dụng công nghệ số thích hợp để tham gia giải quyết vấn đề xã hội.
		Looking back & Project	1 tiết 91		2.2NC1c: Hướng dẫn người khác cách đóng vai trò trung gian (tuyên truyền viên). 2.4NC1a: Hợp tác số trong chiến dịch. 3.2NC1a: Tích hợp thông tin đa phương tiện vào bài thuyết trình.
21	UNIT 10: THE ECOSYSTEM	Getting started	1 tiết 92	By the end of this unit, students will be able to: • use rising and falling intonation in question tags; • understand and use words and phrases related to ecosystems; • understand and use compound nouns; • read for main ideas and specific information in an article about a national park; • talk about ways to protect local biodiversity and respond to situations that may harm the environment; • listen for specific information in a talk about the human impact on ecosystems, and make predictions;	4.4NC1a: Trình bày được các cách thức khác nhau để bảo vệ môi trường (kết hợp công nghệ).
		Language	1 tiết 93		5.3NC1a: Tra cứu thuật ngữ sinh học online.
		Reading	1 tiết 94		1.1NC1b: Tìm kiếm dữ liệu về hệ sinh thái/vườn quốc gia.
		Speaking	1 tiết 95		2.2NC1a: Chia sẻ ý tưởng bảo vệ môi trường qua công cụ số.
		Listening	1 tiết 96		1.2NC1b: Đánh giá thông tin về tác động của con người.
		Writing	1 tiết 97		3.1NC1a: Soạn thảo văn bản nghị luận số.

		Communication and Culture/CLIL	1 tiết 98	• write an opinion essay about spending money on restoring local ecosystems; • express likes and dislikes; • understand how ecosystems around the world are protected and restored; • design a poster about a local ecosystem and how to restore/protect it, and present it to the class.	6.1NC1a: Hiểu ứng dụng công nghệ trong bảo tồn hệ sinh thái.
		Looking back & Project	1 tiết 99		3.1NC1a: Thiết kế Poster điện tử. 3.3NC1a: Tuân thủ bản quyền hình ảnh thiên nhiên. 3.2NC1a: Tích hợp thông tin đa phương tiện vào bài thuyết trình.
22	REVIEW 4	Language	1 tiết 100	Review 4 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 9-10. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	5.4NC1a: Tự đánh giá năng lực cuối kỳ.
		Skills (1)	1 tiết 101		1.3NC1b: Sắp xếp dữ liệu tổng hợp.
		Skills (2)	1 tiết 102		3.1NC1b: Thể hiện năng lực qua bài tập tổng hợp.
23	REVISION	Revision for end-of term test	1 tiết 103	Revising the language and skills Ss have learnt in Units 6-10, and providing exam practice by following question formats used in the exam.	5.4NC1b: Hỗ trợ bạn bè ôn tập qua nhóm học tập online.
24	END-TERM TEST		1 tiết 104	Evaluate overall understanding and mastery of the course material. Help students prepare for the exams by accessing their readiness and identify any remaining gaps in knowledge. Test students' growth and improvement over the term.	4.2NC1b: Tuân thủ quy tắc bảo mật dữ liệu thi cử.

25	FEEDBACK AND CORRECTION	1 tiết 105	Help students understand their mistakes and provide specific suggestions for how to correct them, leading to better performance in future assessments. Reinforce correct understanding and application of concepts, encouraging deeper learning and retention. Provide structure feedback that build confidence and motivates students to continue working on their skills.	5.4NC1c: Lên kế hoạch cải thiện NLS và tiếng Anh cho kỳ sau.
----	-------------------------	----------------------	--	---

1.3. Môn: TIẾNG ANH- Khối: 12

STT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Mã Năng lực số và Yêu cầu cần đạt
HỌC KÌ 1					
1	REVIEW AND INTRODUCTION		1	This Review is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in the 11th Class syllabus.	
2	UNIT 1: LIFE STORIES WE ADMIRE	Getting started	1 tiết 2	By the end of this unit, students will be able to: • identify and pronounce the diphthongs /eɪ/ and /əʊ/ in words and sentences; • understand and use phrases related to life stories; • use the past simple and the past continuous correctly; • read for main ideas and specific information in an article about Steve Jobs’ life and achievements; • talk about the lives of two national heroes of Viet Nam; • listen for main ideas and specific information in a talk about Walt Disney's life; • synthesise and summarise information from different sources to write a biography of Walt Disney’s life;	1.1NC1a: Xác định được nhu cầu thông tin (tìm kiếm hình ảnh, tư liệu về nhân vật nổi tiếng).
		Language	1 tiết 3		5.3NC1a: Sử dụng các công cụ số (từ điển online, app phát âm) để tra cứu phiên âm và nghĩa từ vựng.
		Reading	1 tiết 4		1.1NC1b: Áp dụng kỹ thuật tìm kiếm để lấy dữ liệu bổ sung về tiểu sử nhân vật (Steve Jobs).
		Speaking	1 tiết 5		2.2NC1b: Hướng dẫn người khác đóng vai trò trung gian để chia sẻ câu chuyện về nhân vật lịch sử qua công cụ số.
		Listening	1 tiết 6		1.2NC1a: Đánh giá độ tin cậy của nguồn tin khi nghe về tiểu sử Walt Disney.

		Writing	1 tiết 7	• express pleasure and respond to it; • learn about the lives and achievements of three famous queens in world history; • design a visual story of a person's life and present it to the class.	3.3NC1a: Áp dụng các quy định về bản quyền khi tổng hợp thông tin viết tiểu sử.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết 8		2.5NC1c: Áp dụng các khía cạnh đa dạng về văn hóa và thể hệ khác (khi tìm hiểu về các nữ hoàng thế giới).
		Looking back & Project	1 tiết 9		3.1NC1b: Chỉ ra được những cách thể hiện bản thân thông qua việc tạo ra nội dung số (Thiết kế câu chuyện trực quan - Visual Story).
3	UNIT 2: A MULTICULTURAL WORLD	Getting started	1 tiết 10	By the end of this unit, students will be able to: • identify and pronounce the diphthongs /ɔɪ/, /aɪ/, and /əʊ/ in words and sentences; • understand and use words related to cultural diversity; • use definite and indefinite articles correctly; • read for main ideas and specific information in an article about globalisation and cultural diversity; • discuss and plan a Cultural Diversity Day; • listen for people's attitudes and specific information in an	1.1NC1a: Xác định nhu cầu thông tin về sự đa dạng văn hóa.
		Language	1 tiết 11		5.3NC1a: Sử dụng công cụ số hỗ trợ học ngữ pháp (mạo từ).
		Reading	1 tiết 12		2.5NC1b: Nhận thức các chuẩn mực hành vi khi tiếp cận thông tin về toàn cầu hóa trên mạng.
		Speaking	1 tiết 13		2.4NC1a: Đề xuất công cụ số để hợp tác lên kế hoạch cho Ngày hội đa dạng văn hóa.
		Listening	1 tiết 14		1.2NC1b: Đánh giá quan điểm/thái độ từ các nguồn dữ liệu nghe (về lễ hội Halloween).

		Writing	1 tiết 15	interview about Halloween in Viet Nam; • write an opinion essay on the impact of world festivals on young Vietnamese people;	3.1NC1a: Soạn thảo văn bản số (bài luận) về tác động của lễ hội.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết 16	• make introductions and respond to them; • identify the concept and examples of culture shock;	2.5NC1a: Nhận thức được các chuẩn mực hành vi và kiến thức khi tương tác đa văn hóa (Culture shock).
		Looking back & Project	1 tiết 17	• do research on a country's culture and give a group presentation about it. • talk about the different generations of a family; start a conversation and discussion; • listen for specific information in a conversation about family conflicts; • write an opinion essay about limiting teenagers' screen time; • understand the generation gap in Asian American families; • carry out a survey to find out generational differences in families and give a group presentation about them.	1.1NC1d: Tự đề xuất chiến lược tìm kiếm thông tin văn hóa các nước. 3.2NC1a: Tích hợp thông tin đa phương tiện vào bài thuyết trình nhóm.
4	REVIEW 1	Language	1 tiết 18	Review 1 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 1-3, and providing exam practice by following question formats used in the National Upper-secondary School Exam Paper.	5.4NC1a: Chứng minh được NLS của tôi cần được cải thiện hoặc cập nhật ở đâu (Tự đánh giá qua ôn tập).
		Skills (1)	1 tiết 19	The review can be taught in three lessons, e.g. 1: Language, 2: Listening and speaking skills, 3: Reading and writing skills. Teachers can also choose	1.3NC1b: Triển khai việc tổ chức và sắp xếp dữ liệu ôn tập

				to give some activities for homework and spend less time on the review in class.	trên máy tính/đám mây.
		Skills (2)	1 tiết 20	Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	4.2NC1a: Áp dụng các cách thức khác nhau để bảo vệ dữ liệu cá nhân (trong quá trình làm bài tập online).
5	MID-TERM TEST		1 tiết 21	Evaluate students' grasp the material covered in the first half of term. Offer students insights on their progress and areas for focus before the end-of-term exams. Motivate students to review and consolidate their learning so far.	4.1NC1c: Bảo vệ thiết bị và nội dung số, hiểu rõ rủi ro trong môi trường thi cử số hóa (nếu thi máy).
6	UNIT 3: GREEN LIVING	Getting started	1 tiết 22	By the end of this unit, students will be able to: • identify and pronounce the diphthongs /ɪə/, /eə/, and /ʊə/ in words and sentences;	4.4NC1a: Nhận thức tác động của công nghệ số và sử dụng công nghệ số đối với môi trường (Green living).
		Language	1 tiết 23	• understand and use words and phrases related to green living;	5.3NC1a: Sử dụng ứng dụng học tập để luyện phát âm.
		Reading	1 tiết 24	• use verbs with prepositions correctly; • use relative clauses to refer to a whole sentence correctly; • read for main ideas and specific information in emails about going green with plastics;	1.3NC1a: Tổ chức, lưu trữ thông tin về môi trường từ email/bài đọc.

7	FEEDBACK AND CORRECTION		1 tiết 25	Help students understand their mistakes and provide specific suggestions for how to correct them, leading to better performance in future assessments. Reinforce correct understanding and application of concepts, encouraging deeper learning and retention. Provide structure feedback that build confidence and motivates students to continue working on their skills.	5.4NC1c: Đề xuất cơ hội phát triển bản thân từ kết quả thi.
	UNIT 3: GREEN LIVING	Speaking	1 tiết 26	• discuss ways to reduce, reuse, and recycle paper and express opinions; • listen for main ideas, specific information, and instructions in a conversation about creating a compost pile; • write a problem-solving report to suggest green solutions; • make predictions; • recognise festival traditions that are not friendly environmentally and suggest solutions; • design a leaflet promoting an eco-friendly habit and present it to the class.	2.1NC1a: Tương tác thông qua các công nghệ số để thảo luận giải pháp xanh.
		Listening	1 tiết 27		1.1NC1c: Chỉ cho người khác cách truy cập dữ liệu hướng dẫn (làm phân hữu cơ).
		Writing	1 tiết 28		3.1NC1a: Tạo và chỉnh sửa báo cáo giải pháp trên phần mềm soạn thảo.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết 29		5.1NC1b: Xác định các vấn đề kỹ thuật/môi trường khi vận hành thiết bị số (liên hệ rác thải điện tử nếu có).
		Looking back & Project	1 tiết 30		3.1NC1b: Thiết kế tờ rơi điện tử (Leaflet) để thể hiện ý tưởng sống xanh. 5.3NC1b: Sáng tạo sản phẩm truyền thông số.

8	UNIT 4: URBANISATION	Getting started	1 tiết 31	By the end of this unit, students will be able to: • identify and pronounce unstressed words in connected speech; • understand and use words related to urbanisation; • use the present perfect with It/This/That ... the first/best ... correctly; • use double comparatives to show change correctly; • read for main ideas and specific information in an article about the urbanisation of Ha Noi; • talk about the changes in a living area; • listen for main ideas and specific information in a radio talk about urbanisation; • describe a line graph about trends in urbanisation; • make complaints and respond to them; • understand urbanisation in Malaysia and Australia; • do some research on an urban area in Viet Nam and give a group presentation about it.	1.1NC1a: Tìm kiếm dữ liệu hình ảnh/bản đồ số về đô thị hóa.
		Language	1 tiết 32		5.3NC1a: Sử dụng công cụ số để tra cứu ngữ pháp nâng cao.
		Reading	1 tiết 33		1.2NC1b: So sánh thông tin đô thị hóa từ bài đọc với thực tế trên bản đồ số (Google Maps).
		Speaking	1 tiết 34		2.2NC1a: Chia sẻ thông tin thay đổi nơi sống qua hình ảnh/video số.
		Listening	1 tiết 35		1.1NC1b: Lọc dữ liệu nghe được để nắm bắt xu hướng.
		Writing	1 tiết 36		3.1NC1a: Tạo nội dung số mô tả biểu đồ (Excel/Word).
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết 37		2.3NC1a: Tìm kiếm đề xuất các dịch vụ số công cộng tại các đô thị hiện đại.
		Looking back & Project	1 tiết 38		1.1NC1d: Tự đề xuất chiến lược tìm kiếm thông tin về một khu đô thị. 2.4NC1a: Hợp tác nhóm thiết kế bài trình chiếu.

9	UNIT 5: THE WORLD OF WORK	Getting started	1 tiết 39	By the end of this unit, students will be able to: • identify and pronounce stressed auxiliary and modal verbs in connected speech; • understand and use words and phrases related to work; • use simple, compound, and complex sentences correctly; • read for main ideas, specific information and inference in job advertisements; • give opinions about different jobs; • listen for main ideas and specific information in a phone conversation about a job vacancy; • write a job application letter; • express anxiety and respond to it; • recognise some unusual jobs around the world; • do research on suitable part-time jobs for students and present the information to the class.	1.1NC1a: Tìm kiếm thông tin việc làm trên các nền tảng số.
		Language	1 tiết 40		5.3NC1a: Ứng dụng công nghệ hỗ trợ học từ vựng chuyên ngành.
		Reading	1 tiết 41		1.2NC1a: Đánh giá độ tin cậy của các quảng cáo tuyển dụng trực tuyến.
		Speaking	1 tiết 42		2.1NC1b: Lựa chọn phương tiện giao tiếp số phù hợp cho phỏng vấn/trao đổi công việc.
		Listening	1 tiết 43		1.3NC1a: Lưu trữ thông tin tuyển dụng quan trọng.
		Writing	1 tiết 44		3.1NC1a: Soạn thảo thư xin việc định dạng chuẩn qua email/file mềm.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết 45		2.2NC1a: Chia sẻ dữ liệu, thông tin và nội dung số thông qua nhiều công cụ số phù hợp.
		Looking back & Project	1 tiết 46		5.2NC1a: Đánh giá nhu cầu cá nhân để tìm kiếm việc làm thêm phù hợp trên mạng.
10	REVIEW 2	Language	1 tiết 47	Review 2 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 4-5, and providing exam	5.4NC1b: Minh họa được những cách khác nhau để hỗ trợ

				practice by following question formats used in the National Upper-secondary School Exam Paper.	bạn bè ôn tập (qua nhóm chat/drive).
		Skills (1)	1 tiết 48	The review can be taught in three lessons, e.g. 1: Language, 2: Listening and speaking skills, 3: Reading and writing skills. Teachers can also choose to give some activities for homework and spend less time on the review in class.	1.3NC1b: Sắp xếp dữ liệu kỹ năng nghe/đọc đã học.
		Skills (2)	1 tiết 49	Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	3.1NC1b: Thể hiện sự tiến bộ qua bài viết tổng hợp.
11	REVISION	Revision for end-of term test	1 tiết 50, 51, 52	The revision can be taught in three lessons, e.g. 1: Language, 2: Listening and speaking skills, 3: Reading and writing skills. Teachers can also choose to give some activities for homework and spend less time on the review in class. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	5.4NC1a: Tự đánh giá năng lực kiến thức chuẩn bị thi.
12	END-TERM TEST		1 tiết 53	Evaluate overall understanding and mastery of the course material. Help students prepare for the exams by accessing their readiness and identify any remaining gaps in knowledge. Test students' growth and improvement over the term.	4.2NC1b: Bảo vệ dữ liệu cá nhân và tuân thủ quy chế thi.

13	FEEDBACK AND CORRECTION	1 tiết 54	Help students understand their mistakes and provide specific suggestions for how to correct them, leading to better performance in future assessments. Reinforce correct understanding and application of concepts, encouraging deeper learning and retention. Provide structure feedback that build confidence and motivates students to continue working on their skills.	5.4NC1c: Đề xuất cơ hội phát triển bản thân từ kết quả thi.	
HỌC KÌ 2					
14	UNIT 6: ARTIFICIAL INTELLIGENCE	Getting started	1 tiết 55	By the end of this unit, students will be able to: • identify and pronounce homophones in connected speech; • understand and use words and phrases related to science and technology; • use active and passive causatives correctly; • read for specific information in an article about AI applications in education; • discuss applications of AI in education; • listen for specific information and instructions for operating a home robot;	6.1NC1a: Hiểu được cách AI ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày (Giáo dục, Robot).
		Language	1 tiết 56		5.3NC1a: Sử dụng công cụ số/AI hỗ trợ học tập (ChatGPT, Grammarly... làm ví dụ).
		Reading	1 tiết 57		6.1NC1a: Phân tích vai trò của AI trong các ứng dụng giáo dục qua bài đọc.
		Speaking	1 tiết 58		6.1NC1b: So sánh các hệ thống AI khác nhau và cách chúng xử lý dữ liệu (khi thảo luận).
		Listening	1 tiết 59		6.2NC1a: Hiểu rõ ứng dụng thực tế của AI (Robot gia đình).

		Writing	1 tiết 60	• write an essay about the advantages and disadvantages of home robots;	3.1NC1a: Soạn thảo văn bản số về ưu/nhược điểm công nghệ.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết 61	• get attention and interrupt;	6.3NC1a: Đánh giá và lọc được thông tin về lịch sử phát triển Robot.
		Looking back & Project	1 tiết 62	• understand the evolution of robots;	6.2NC1b: Đề xuất ý tưởng ứng dụng AI giải quyết vấn đề thực tế. 5.3NC1b: Sáng tạo thiết kế ứng dụng mới.
15	UNIT 7: THE WORLD OF MASS MEDIA	Getting started	1 tiết 63	By the end of this unit, students will be able to: • identify and pronounce linking /r/ between two vowels;	1.2NC1a: Đánh giá độ tin cậy của các nguồn thông tin đại chúng.
		Language	1 tiết 64	• understand and use words and phrases related to the mass media;	5.3NC1a: Tra cứu thuật ngữ truyền thông.
		Reading	1 tiết 65	• use adverbial clauses of manner and result correctly;	1.2NC1b: Phân tích, so sánh tin cậy giữa truyền thông số và truyền thống.
		Speaking	1 tiết 66	• read for main ideas, specific information, and the writer's views in an article comparing digital media and traditional media;	2.5NC1b: Áp dụng chiến lược giao tiếp/phản hồi thông tin trên mạng xã hội.
		Listening	1 tiết 67	• compare different types of mass media;	1.2NC1a: Thực hiện đánh giá độ tin cậy, nhận biết tin giả (Fake news).

		Writing	1 tiết 68	• listen for specific information and attitudes towards fake news; • write a description of pie charts; • make small talk; • learn about two types of mass media used around the world; • prepare a comparison of two types of mass media and present it to the class.	3.1NC1a: Tạo nội dung số mô tả dữ liệu (biểu đồ tròn).
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết 69		2.3NC1b: Sử dụng công nghệ số thích hợp để tiếp cận thông tin toàn cầu.
		Looking back & Project	1 tiết 70		1.2NC1b: Tiến hành đánh giá, so sánh dữ liệu từ các loại hình truyền thông. 2.4NC1a: Hợp tác trình bày so sánh.
16	REVIEW 3	Language	1 tiết 71	Review 3 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 6–8, and providing exam practice by following question formats used in the National Upper-secondary School Exam Paper. The review can be taught in three lessons, e.g. 1: Language, 2: Listening and speaking skills, 3: Reading and writing skills. Teachers can also choose to give some activities for homework and spend less time on the review in class. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	5.4NC1a: Xác định NLS cần cải thiện sau chuỗi bài về công nghệ và truyền thông.
		Skills (1)	1 tiết 72		1.3NC1b: Hệ thống hóa kiến thức ôn tập.
		Skills (2)	1 tiết 73		3.1NC1b: Thực hành viết/nói tổng hợp có hỗ trợ công nghệ.
17	MID-TERM TEST		1 tiết 74	Evaluate students' grasp the material covered in the first half of term. Offer students insights on their progress and areas	4.2NC1a: Bảo vệ dữ liệu và liên chính học thuật trong kiểm tra.

				for focus before the end-of-term exams.	
18	UNIT 8: WILD LIFE CONSERVATION	Getting started	1 tiết 75	By the end of this unit, students will be able to: • identify and use assimilation in connected speech to sound natural; • understand and use words related to conserving wildlife; • use adverbial clauses of condition and comparison correctly; • read for main ideas and specific information in news items about wildlife conservation;	4.4NC1a: Nhận thức tác động của việc sử dụng công nghệ số đối với tuyên truyền bảo vệ môi trường.
		Language	1 tiết 76		5.3NC1a: Sử dụng từ điển số chuyên ngành sinh học.
		Reading	1 tiết 77		1.1NC1b: Tìm kiếm tin tức bảo tồn trên báo điện tử.
19	FEEDBACK AND CORRECTION		1 tiết 78	Help students understand their mistakes and provide specific suggestions for how to correct them, leading to better performance in future assessments. Reinforce correct understanding and application of concepts, encouraging deeper learning and retention. Provide structure feedback that build confidence and motivates students to continue working on their skills.	5.4NC1c: Đề xuất cơ hội phát triển bản thân từ kết quả thi.
	UNIT 8: WILD LIFE CONSERVATION	Speaking	1 tiết 79	• suggest activities for a wildlife conservation event;	2.3NC1a: Đề xuất các dịch vụ số/chiến dịch online để tham gia bảo tồn.
		Listening	1 tiết 80		1.3NC1a: Lưu trữ thông tin về các loài nguy cấp.
		Writing	1 tiết		3.1NC1a: Soạn thảo báo cáo

			81	• listen for main ideas and specific information in a talk about the threats facing tigers; • write a problem-solving report on protecting tigers; • express concern; • understand the criteria on the International Union for Conservation of Nature (IUCN) Red List; • give a poster presentation about an endangered species.	giải pháp trên máy tính.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết 82		1.1NC1c: Chỉ cho người khác cách truy cập dữ liệu Sách Đỏ (IUCN) online.
		Looking back & Project	1 tiết 83		3.1NC1b: Thiết kế Poster điện tử về loài nguy cấp. 3.3NC1a: Áp dụng quy định bản quyền hình ảnh động vật.
20	UNIT 9: CAREER PATHS	Getting started	1 tiết 84	By the end of this unit, students will be able to: • use sentence stress appropriately to speak with a natural rhythm; • understand and use words related to choosing a career path; • use three-word phrasal verbs correctly; • read for main ideas and specific information in an article about things to consider when choosing a career path, and understand text structure; • talk about the things to consider when following different career paths; • listen for main ideas and specific information in a conversation about a career in teaching;	5.2NC1a: Đánh giá nhu cầu bản thân và xác định giải pháp công nghệ hỗ trợ chọn nghề.
		Language	1 tiết 85		5.3NC1a: Tra cứu thông tin hướng nghiệp online.
		Reading	1 tiết 86		1.2NC1b: Đánh giá thông tin tư vấn nghề nghiệp trên mạng.
		Speaking	1 tiết 87		2.1NC1a: Tương tác thảo luận nghề nghiệp.
		Listening	1 tiết 88		1.1NC1a: Xác định nhu cầu thông tin về nghề nghiệp cụ thể.
		Writing	1 tiết 89		2.6NC1b: Tạo và quản lý danh tính số chuyên nghiệp thông qua viết CV.

		Communication and Culture/CLIL	1 tiết 90	• write a curriculum vitae (CV); • ask for and give clarification; • understand in-demand careers for the future; • do a survey on school-leavers' career plans and report it to the class.	1.1NC1d: Tự đề xuất chiến lược tìm kiếm xu hướng nghề nghiệp tương lai.
		Looking back & Project	1 tiết 91		2.6NC1c: Sử dụng dữ liệu khảo sát tạo ra thông qua công cụ (Google Form) để báo cáo.
21	UNIT 10: LIFE LONG LEARNING	Getting started	1 tiết 92	By the end of this unit, students will be able to: • use appropriate rising and falling intonation in questions; • understand and use phrases related to lifelong learning; • use reported speech to report orders, requests, offers, and advice correctly; • read for main ideas and specific information in a head teacher's message to school-leavers; • talk about great role models for lifelong learning; • listen for main ideas and specific information in a talk about the challenges of lifelong learning; • synthesise and summarise information to write an article about the benefits and challenges of lifelong learning; • thank and accept thanks; • learn about one of the oldest university graduates;	5.2NC1c: Sử dụng cách thức khác nhau để điều chỉnh môi trường học tập số cá nhân (Lifelong learning).
		Language	1 tiết 93		5.3NC1a: Ứng dụng các nền tảng học tập trực tuyến (MOOCs, Coursera...).
		Reading	1 tiết 94		1.2NC1a: Đánh giá thông tin từ bài đọc.
		Speaking	1 tiết 95		2.2NC1b: Hướng dẫn người khác tìm kiếm tấm gương học tập trên mạng.
		Listening	1 tiết 96		1.1NC1b: Lọc dữ liệu về thách thức học tập.
		Writing	1 tiết 97		3.2NC1a: Sửa đổi, tinh chỉnh và tích hợp thông tin để viết bài báo online.
		Communication and Culture/CLIL	1 tiết 98		2.5NC1c: Áp dụng khía cạnh đa dạng thể hệ trong học tập số.

		Looking back & Project	1 tiết 99	• create a leaflet about a lifelong learning habit and present it to the class.	3.1NC1b: Tạo tờ rơi số (Leaflet) về thói quen học tập. 5.3NC1b: Sáng tạo nội dung khuyến khích học tập.
22	REVIEW 4	Language	1 tiết 100	Review 4 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 9-10, and providing exam practice by following question formats used in the National Upper-secondary School Exam Paper.	5.4NC1a: Tổng kết và đánh giá NLS cá nhân cuối cấp.
		Skills (1)	1 tiết 101	The review can be taught in three lessons, e.g: 1. Language, 2. Listening and speaking skills, 3. Reading and writing skills. Teachers can also choose to give some activities for homework and spend less time on the review in class.	1.3NC1b: Tổ chức dữ liệu ôn tập tổng hợp.
		Skills (2)	1 tiết 102	Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	3.1NC1b: Hoàn thiện kỹ năng tạo lập văn bản số.
23	REVISION	Revision for end-of term test	1 tiết 103	Revising the language and skills Ss have learnt in Units 6-10, and providing exam practice by following question formats used in the National Upper-secondary School Exam Paper.	5.4NC1c: Đề xuất cơ hội phát triển bản thân/học tập suốt đời sau khi ra trường.
24	END-TERM TEST		1 tiết 104	Evaluate overall understanding and mastery of the course material. Help students prepare for the exams by accessing their readiness and identify any remaining gaps in knowledge. Test students' growth and improvement over the term.	4.2NC1b: Tuân thủ quy tắc bảo mật và liêm chính trong thi cử.

25	FEEDBACK AND CORRECTION	1 tiết 105	Help students understand their mistakes and provide specific suggestions for how to correct them, leading to better performance in future assessments. Reinforce correct understanding and application of concepts, encouraging deeper learning and retention. Provide structure feedback that build confidence and motivates students to continue working on their skills.	5.4NC1b: Minh họa cách sử dụng kết quả để cải thiện.
----	-------------------------	----------------------	--	---

2. Chuyên đề lựa chọn

STT	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Nội dung tích hợp NSL và công nghệ AI
	Không			

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức	Ghi chú
Kiểm tra giữa kì 1	60 phút	Tuần 7-8	Theo Ma trận, Đặc tả	70% trắc nghiệm, 30% tự luận	
Kiểm tra cuối kì 1	60 phút	Tuần 14-15	Theo Ma trận, Đặc tả	70% trắc nghiệm, 30% tự luận	Kiểm tra Speaking riêng
Kiểm tra giữa kì 2	60 phút	Tuần 25-26	Theo Ma trận, Đặc tả	70% trắc nghiệm, 30% tự luận	
Kiểm tra cuối kì 2	60 phút	Tuần 31-32	Theo Ma trận, Đặc tả	70% trắc nghiệm, 30% tự luận	Kiểm tra Speaking riêng

II. Kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục (Chú ý cần tổ chức các hoạt động có tích hợp năng lực số và công nghệ AI vào để bù cho các nội dung trong Kế hoạch dạy học chưa thể tích hợp NSL được)

Phát họa cụ thể:

- Tên hoạt động giáo dục: Ngoại khóa Tiếng Anh
- Hình thức tổ chức: Trực tiếp
- Khối lớp tham gia: Học sinh toàn trường
- Thời điểm, địa điểm tổ chức: Dự kiến cuối tháng 09 hoặc đầu tháng 10 năm 2026.

-HẾT-

